TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH **Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **123**/2022/DS-ST
Ngày: 27/9/2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thái Hoà**
Bà **Nguyễn Thị Kim chi**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Thành Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố **B**.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B***: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố **B** xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 448/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 06 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 994/2022/QĐ-HPT ngày 09/9/2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* **Công ty tài chính T**
Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà R, số 9, Đoàn Văn Bơ, P.13, quận 4, T
Đại diện theo pháp luật: ông Lô Bằng G – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên
Đại diện theo uỷ quyền: Bà Lương Hoàng Y – Trưởng phòng tố tụng
Uỷ quyền lại cho bà Nguyễn Trần Phương **T**, sinh năm: 1999
Địa chỉ liên hệ: C1/36, khu phố 10, phường **T**, Biên Hoà, Đồng Nai
- *Bị đơn:* **Bà Lương Thị H**, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Tổ 4, khu phố Long Đức 1, phường, TP. **B**, tỉnh Đồng Nai.

*(Bà **T**, bà **H** vắng mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà T trình bày:

Ngày 18/01/2020, bà Lương Thị **H** có ký hợp đồng tín dụng số 20200121-6965723 với Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC vay số tiền 21.100.000 đồng, lãi suất 5%/tháng để tiêu dùng. Theo thoả thuận hợp đồng, bà Lương Thị **H** có trách nhiệm thanh toán gốc và lãi số tiền 38.294.029, trả

chậm liên tiếp trong vòng 24 tháng; 23 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.652.833 đồng, tháng cuối cùng trả 2.985.457. Bắt đầu từ ngày 07/3/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lương Thị **H** đã trả 4 lần tổng số tiền là 6.306.000 đồng. Kể từ ngày 20/11/2021 đến nay, bà **H** không thanh toán nữa.

Nay Công ty khởi kiện yêu cầu bà **H** thanh toán trả 1 lần cho Công ty số tiền tổng cộng là 31.988.029 đồng (trong đó gốc là 18.559.874 đồng, lãi 13.428.155 đồng) tính đến ngày 07/02/2022.

Sau thời gian từ ngày 07/02/2022 đến này, Công ty không tính lãi và cũng không yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn bà Lương Thị H trình bày: Không có lời khai do vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng là 31.988.029 đồng (trong đó gốc là 18.559.874 đồng, lãi 13.428.155 đồng) tính đến ngày 07/02/2022. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án, bà **H** đã được Tòa án tống đạt hợp lệ rất nhiều lần các văn bản tố tụng, thông báo đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc, cũng không cung cấp được văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 6, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

Theo hồ sơ thể hiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn có ký hợp đồng tín dụng số 20200121-6965723 với Công ty tài chính **T.** Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lương Thị **H** đã trả 4 lần tổng số tiền là 6.306.000 đồng. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu bà **H** thanh toán trả 1 lần cho Công ty số tiền tổng cộng là 31.988.029 đồng (trong đó gốc là 18.559.874 đồng, lãi 13.428.155 đồng) tính đến

ngày 07/02/2022. Sau thời gian từ ngày 07/02/2022 đến này, Công ty không tính lãi và cũng không yêu cầu gì thêm.

Xét thấy các bên ký kết hợp đồng vay tín dụng là có thật, nguyên đơn xuất trình chứng cứ đầy đủ. Quá trình vay, bà **H** không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ nên cần buộc bà **H** có nghĩa vụ thanh toán tiền vay cho nguyên đơn.

[4] Về án phí: Bị đơn bà **H** phải chịu 1.599.401 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả số tiền tạm ứng cho nguyên đơn.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố **B** phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* với bà Lương Thị **H**.

Buộc bà Lương Thị **H** phải thanh toán cho Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC tổng số tiền là 31.988.029 đồng (trong đó gốc là 18.559.874 đồng, lãi 13.428.155 đồng).

2. Về án phí: Bị đơn bà Lương Thị **H** phải chịu 1.599.401 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Hoàn trả cho Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 800.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003185 ngày 09/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố **B.**

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP **B**;
- Chi cục THADS TP **B**;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Cẩm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**